

Số: 135/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt số lượng và dự toán kinh phí thực hiện
tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
của Chính phủ (bổ sung Đợt 1, năm 2016)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 5799/BNV-TCBC ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nội vụ về việc thẩm tra danh sách tinh giản biên chế đợt 1 năm 2016 của tỉnh Thanh Hoá;

Xét đề nghị của Liên Sở: Nội vụ - Tài chính tại Tờ trình số 08/TTr-LS:NV-TC ngày 12/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế bổ sung đợt 1 năm 2016 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tổng số đối tượng thực hiện tinh giản biên chế: 36 người (gồm: Khối hành chính 17 người, Khối sự nghiệp 18 người, Khối Đảng, đoàn thể 01 người);

2. Dự toán tổng kinh phí thực hiện: 2.895.711.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm mười một ngàn đồng);

Trong đó:

- Về hưu trước tuổi:

+ Số lượng: 34 người.

+ Kinh phí thực hiện: 2.567.888.000 đồng

- Thôi việc ngay:

+ Số lượng: 02 người.

+ Kinh phí thực hiện: 327.823.000 đồng

(Có biểu tổng hợp kèm theo)

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP do Trung ương bổ sung có mục tiêu.

Điều 2. Giám đốc các Sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ số lượng được phê duyệt, ban hành Quyết định cho từng đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo quy định hiện hành.

Giao Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện và báo cáo quyết toán kinh phí theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.

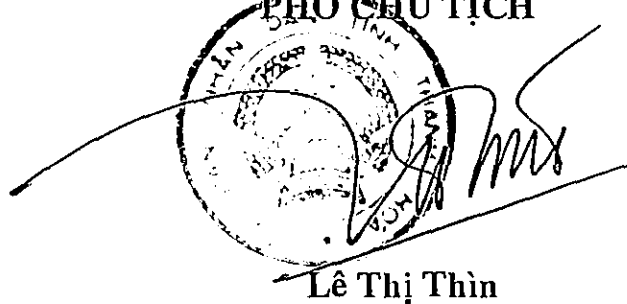
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- TTtr Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ ĐỘT 1 NĂM 2016
(Kèm theo Quyết định số 135/QĐ- UBND ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tình giản biên chế					Kinh phí cho tình giản biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng số	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Tổng cộng	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng (I +II +III)	36	34		2		2.895.711	2.567.888	-	327.823	-
I	Khối hành chính:	17	16	0	1	0	922.633	853.343	0	69.290	0
a	Cấp tỉnh	1	1	0	0	0	99.858	99.858	0	0	0
1	Sở Tài nguyên và MT	1	1				99.858	99.858			
b	Cấp huyện	2	2	0	0	0	231.066	231.066	0	0	0
1	Huyện Lang Chánh	2	2				231.066	231.066			
c	Khối xã, phường	14	13	0	1	0	591.709	522.419	0	69.290	0
1	Huyện Hậu Lộc	1			1		69.290			69.290	
2	Huyện Nông Cống	1	1				132.129	132.129			
3	Huyện Quan Hóa	3	3				43.202	43.202			
4	Huyện Lang Chánh	1	1				27.262	27.262			
5	Huyện Đông Sơn	2	2				102.714	102.714			
6	Huyện Thạch Thành	3	3				133.318	133.318			
7	Huyện Yên Định	3	3				83.794	83.794			

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tính giảm biên chế					Kinh phí cho tính giảm biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng số	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Tổng cộng	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
II	Khối sự nghiệp	18	17		1		1.864.814	1.606.281	-	258.533	-
a	Cấp tỉnh	8	8	-	-	-	831.706	831.706	-	-	-
1	Sở Nông nghiệp	4	4				483.494	483.494			
2	Sở Văn hóa, thể thao & DL	4	4				348.212	348.212			
b	Cấp huyện	10	9	0	1	0	1.033.108	774.575	0	258.533	0
1	huyện Hậu Lộc	2	2				204.559	204.559			
2	Huyện Nông Cống	1	1				100.895	100.895			
3	Huyện Tĩnh Gia	1	1				-	-			
4	Huyện Thạch thành	2	1		1		417.842	159.309		258.533	
5	Huyện Thường Xuân	4	4				309.812	309.812			
III	Khối Đảng, Đoàn thể	1	1	0	0	0	108.264	108.264	0	0	0
1	Huyện Ủy Thạch Thành	1	1				108.264	108.264			

chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Hệ số	Thời điểm hưởng
3	4	5

Kỹ thuật viên	4.06	11/2004
	4.06	1-2006
Cán sự phòng		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ, chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tính gần biên chế	Thời điểm tính gần biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng khả năng chi phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính giảm		
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng					Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc ngay				
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
2	Nguyễn Đình Thành	15/8/1958	TC	Chỉ huy trưởng QS xã Thạch Cẩm	2.66	01-2015							3.46	01-2013	3.059	2.554	21 năm 6 th	57 tuổi 7 th	01-03-2016	x			32.566	02 năm liên tiếp liền kề CC được phân loại đánh giảm mức độ HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp	
														2.66	01-2015										
3	Hoàng Văn Thảo	09-02-59	TC	Trưởng công an xã Thạch Long	2.86	11-2014							2.86	11-2014	3.289	2.770	26 năm 5 th	56 tuổi 6 th	01-03-2016	x			50.557	02 năm liên tiếp liền kề CC được phân loại đánh giảm mức độ HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp	
8	Huyền Yên Đình																						83.794	Do năng lực và uy tín không tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2015-2020 không thể sắp xếp công việc khác	
1	Hoàng Văn Mách	12-3-1958	TC	Chủ tịch HD	3.86	07-2015	0,15	1-2010					3.46	01-2012	4612	3934	32 n 7 th	58 t	01-3-2016	x			68.950		
			lý luận C tri	HDND thi trấn Quán Láo									3.66	01-2014											
2	Lê Đức Thuận	07-12-58		CV phó xã trưởng Văn hóa xã Đông Hòa	1.18	10-2004							1.18	10-2004	1357	1240	20n 2h 7 th	57 t	01-3-2016	x			14.844	Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác	
3	Nguyễn Bó	28/8/1957	TC	Chỉ huy trưởng QS thi trấn Quán Láo	3.86	01-2015							3.46	01-2011	4.439		37 n 9 th	58 t 6 th	01-3-2016	x				Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác	
			lý luận C tri										3.66	01-2013											
II KHỐI SỰ NGHIỆP KHỐI TỈNH																							1.864.814		
a KHỐI TỈNH																							831.706		
1 Sở Nông nghiệp và PTNT																							483.494		
1	Lê Văn Sơn	05/6/1958	TC	Kế toán TT quy hoạch nông lâm nghiệp	4.06	10-2004					17%	12-2013	3.07	12-2003	5.509	4.918	40 năm 10th	57 tuổi 8h	01-02-2016	x			110.655	Viên chức 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực	
2	Phạm Đình Công	13/4/1960	TC	VC BOL rừng Mường Lát	4.06	10-2004			13%	7-2015	23%	11-2014	3.74	01-2000	5.739	5.091	37 năm 9 th	55 tuổi 9 th	01-01-2016	x			134.912	Viên chức 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực	
3	Vương Đình Mơ	04-08-60	TC	VC BOL rừng Mường Lát	4.06	09-2012			6%	9-2015	5%	9-2014	3.86	03-2010	4.949	4.209	37 năm 9 th	55 tuổi 9 th	01-01-2016	x			111.543	Viên chức 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tính gần biên chế	Thời điểm tính gần biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính gần		
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN					Thời việc ngay						
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
4	Lê Thanh Hùng	37/1/1960	TC	Đội phó Đoàn QH Lâm nghiệp	4,06	10-2004	0,25	09-2010			20%	11-2015	3,2	11-2003	5.89	5.266	34 năm	56 tuổi	01-02-2016	x				126.384	Viên chức 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực
	Sở Văn hóa, thể thao và DL																						348.212		
1	Nguyễn Minh Chính	07-03-58	TC	P.Trưởng Đoàn ca múa kịch Lam sơn	4,06	10-2004	0,25	4-2009			20%	12-2015	3,50	09-2004	5.890	5.223	37 năm 7 th	57 tuổi 7 th	01-02-2016	x				109.683	Viên chức 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực
2	Trương Thị Hiến	23076	TC	VC phòng HC Đoàn ca múa kịch Lam sơn	2,98	10-2004					19%	4-2015	2,17	09-2004	4.078	3.632	31 năm 5 th	52 tuổi 8 th	01-02-2016	x				64.468	Viên chức 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực
3	Đàm Hồng Hưng	15/2/1958	TC	VC Trung tâm VH tỉnh	3,63	38322					20%	12-2015	3,63	12-2004	5.009	4.563	37 năm	58 tuổi	01-02-2016	x				88.986	Viên chức 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực
4	Trịnh Thị Minh	27/12/1965	TC	VC phòng DVKD TT phát hành phim	3,45	41974							3,45	41.974	3.968	3.403	31 năm 9 tháng	50 tuổi 1 th	01-02-2016	x				85.075	Viên chức 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực
b	KHỐI HUYN																						1.033.108		
1	Huyện Hậu Lộc																						204.559		
1	Lai Quốc Tuấn	23-02-1958	TC	Cán sự Trạm Khuyến nông huyện	4,06	10-2004					13%	09-2014	4,06	10-2004	5.323	4.650	36 năm 10 th	57 tuổi 10 th	01-01-2016	x				96.022	02 năm liên tiếp liền kề VC có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức HTNV và 01 năm không HTNV nhưng ko thể bố trí việc làm khác phù hợp
2	Phạm Văn Huy	08-02-58	TC	Kỹ thuật viên Đài truyền thanh huyện	4,06	10-2004					14%	09-2015	4,06	10-2004	5.323	4.824	41 năm 2 th	57 tuổi 8 th	01-5-2016	x				108.537	02 năm liên tiếp liền kề VC có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức HTNV và 01 năm không HTNV nhưng ko thể bố trí việc làm khác phù hợp

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liên kế		Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Tiền lương tháng đóng BHXH theo số BHXH	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời điểm tính gián biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính giảm		
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng					Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng lãnh phi thường xuyên từ NSNN	Thời việc ngày				
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
2	Huyện Tĩnh Gia																						0		
1	Nguyễn Huy Hàana	06-12-57	ĐH	Hiệu trưởng THCS Hải Nhân	4,98	9-2008	0,35	9-2013	32%	10-2015	9%	9-2015	4,65	9-2006	8.240	0	32 năm 5 th	58 tuổi 9 th	03-01-16	x				0	02 năm liên tiếp liên kế VC có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức HTNV và 01 năm không HTNV nhưng ko thể bỏ tri việc làm khác phù hợp
3	Huyện Nông Cống																						100.895		
1	Nguyễn Thu Đình	05-06-63	ĐH	PHT Trưởng TH Tân Khang	4,32	12-2012	0,25	4-2011	28%	08-2015			3,99 4,32	04-2011 12-2012	6727	5935	29n 8th	52 t 11 th	01-04-2016	x				100.895	02 năm liên tiếp liên kế VC có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức HTNV và 01 năm không HTNV nhưng ko thể bỏ tri việc làm khác phù hợp

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm Hệ số Thời điểm hưởng <th colspan="2">Lương ngạch, bậc hiện giữ</th> <th colspan="2">Phụ cấp chức vụ (nếu có)</th> <th colspan="2">Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)</th> <th colspan="2">Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)</th> <th colspan="2">Lương ngạch, bậc trước liền kề</th> <th rowspan="2">Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)</th> <th rowspan="2">Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH</th> <th rowspan="2">Tuổi khi giải quyết tính giờ biên chế</th> <th rowspan="2">Thời điểm tính giờ biên chế</th> <th colspan="3">Được hưởng chính sách</th> <th rowspan="2">Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)</th> <th rowspan="2">Lý do tính giảm</th>	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tính giờ biên chế	Thời điểm tính giờ biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính giảm	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN					Thời việc ngay					
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Quách Văn Ich	02-01-1958	ĐH	Ủy ban MTTQ huyện	4.98	12-2009	0.2	1-2014			7%	12-2014		5.727	5.509	36 năm 10 th	58 tuổi	01-01-2016	x			108.264	02 năm liền tiếp liền kế CC được phân loại đánh giảm mức độ HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp	
						0.15	6-2014							4.98	12-2015									

Danh sách này gồm có 36 người